TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập- Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 22/2022/DSST
Ngày 24- 01 -2021
V/v hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI,TỈNH CÀ MAU

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Bà Từ Thanh Nhung

Các hội thẩm Nhân Dân:

Ông: Huỳnh Văn Năm

Ông: Văn Công Trọn

Thư ký phiên Toà : Bà Dương Thị Thêu - Thư ký toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời: Bà Phạm Huỳnh Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân Huyện Trần Văn Thời, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 288/2021 ngày 29/06/2021, về việc " hợp đồng góp hụi", theo Quyết định đưa ra xét xử số 243/2021, ngày 20.12.2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn* : Bà Võ Thị Thắm E – sinh năm 1984

Ông Nguyễn Văn N – sinh năm 1988

Cùng địa chỉ: Ấp S, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau

- *Bị đơn* : Ông Phạm Văn R – sinh năm 1985

Bà Nguyễn Tuyết A – sinh năm 1992

Cùng địa chỉ: Ấp S, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau

Nguyên đơn, Bị đơn bà A có mặt, ông R vắng mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiệnn ngày 26.4.2021 và lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa thể hiện như sau:

Vào ngày 06.12.2019, tôi làm chủ hụi, loại hụi 3.000.000 đồng, dây hụi có

25 chưng, bà A và ông R tham gia chơi 1 chưng, mỗi tháng khui 1 lần, bà A và ông R đã hốt hụi và tôi đã chung hụi đầy đủ cho bà A và ông R, sau đó có đóng hụi chết lại cho tôi còn thiếu lại 12 lần là 36.000.000 đồng, dây hụi này đã mãn. Do đó tôi yêu cầu bà A và ông R trả lại cho tôi số tiền tôi đã xuất ra đóng thay cho bà A và ông R là 36.000.000 đồng.

Tại biên bản làm việc ngày 5.01.2022 đối với bà Nguyễn Tuyết A, bà A thừa nhận vào ngày 6.12.2019 bà có tham gia chơi hụi với bà Thắm E 1 chưng hụi, loại hụi 3.000.000 đồng, 1 tháng khui 1 lần và tôi đã hốt xong. Hiện tại tôi còn thiếu lại bà E và ông N, 12 lần số tiền là 36.000.000 đồng. Nay tôi đồng ý trả lại cho bà E và ông N số tiền trên. Việc tham gia chơi hụi và hốt hụi anh R biết, số tiền hốt hụi tôi chi xài trong gia đình.

Đối với bị đơn ông Phạm Văn R : Tòa án đã triệu tập hợp lệ 2 lần để xét xử nhưng anh R vắng mặt, bà A xác định anh R biết việc bà E và ông N khởi kiện nhưng do anh R đi biển nên không tham gia phiên tòa được. Do đó chưa ghi nhận được ý kiến của ông R.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát huyện Trần Văn Thời phát biểu, Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo trình tự quy định của pháp luật Tố tụng dân sự và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Võ Thị Thắm E và ông Nguyễn Văn N, buộc bị đơn ông Phạm Văn R và bà Nguyễn Tuyết A phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền hụi là 36.000.000 đồng là có căn cứ. Do bà Nguyễn Tuyết A cũng thừa nhận hiện nay còn nợ bà E và ông N số tiền là 36.000.000đồng. Đối với bị đơn ông Phạm Văn R, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng ông R vắng mặt không có lý do chính đáng và ông R cũng biết việc ông N và bà E khởi kiện yêu cầu trả số tiền hụi là 36.000.000 đồng nhưng ông R không có ý kiến về vấn đề này, nên mặt nhiên ông R thừa nhận số tiền trên. Hơn nữa đây là nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân và bà A cũng xác định số tiền hốt hụi là sử dụng chi xài trong gia đình. Do đó cần buộc ông Phạm Văn R cùng có trách nhiệm với bà Nguyễn Tuyết A trả cho nguyên đơn Võ Thị Thắm E và ông Nguyễn Văn N tiền hụi là 36.000.000 đồng là phù hợp với Điều Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 471 và Điều 468 Bộ luật dân sự. và Điều 17, Điều 18, Điều 24 Nghị Định 19/2019 ngày 19.02.2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên toà và kết quả tranh tụng , Hội đồng xét xử nhận định.

[1] *Về thẩm quyền Toà án* : Nguyên đơn và bị đơn điều cư trú tại huyện Trần Văn Thời, nguyên đơn khởi kiện bị đơn về việc Hợp đồng góp hụi, nên

Toà án Nhân dân huyện Trần Văn Thời, thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại điều Điều 26 và 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự .

[2] *Về quyền khởi kiện*: Nguyên đơn cho rằng quyền và lợi ích của nguyên đơn bị, bị đơn xâm hại nên khởi kiện yêu cầu Toà án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp là phù hợp với quy định tại điều 186 BLTTDS.

[3] *Xét về trình tự thủ tục*: Đối với bị đơn R tòa án đã triệu tập hợp lệ 2 lần để xét xử nhưng bị đơn R vắng mặt không rỏ lý do, nên căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn R.

[4]. *Xét về điều luật áp dụng*: việc giao dịch này sau ngày Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu luật nên áp dụng Bộ luật hiện hành để giải quyết và các văn bản quy phạm pháp luật chi tiết để giải quyết là phù hợp với điểm c khoản 1 Điều 688 Bội luật dân sự năm 2015.

[5] *Xét về quan hệ pháp luật tranh chấp*: Nguyên đơn cho rằng bị đơn tham gia góp hụi hiện nay còn thiếu số tiền là 36.000.000 đồng, chưa trả nên khởi kiện yêu cầu đòi lại số tiền trên, nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "hợp đồng góp hụi" theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự và Nghị Định 19/2019 ngày 19.02.2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường.

[6] *Về nội dung khởi kiện:* Vào ngày 06.12.2019, nguyên đơn làm chủ hụi, loại hụi 3.000.000 đồng, dây hụi có 25 chưng, bị đơn đã hốt hụi, sau đó có đóng hụi chết lại còn thiếu lại 12 lần là 36.000.000 đồng, dây hụi này đã mãn. Do đó nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại số tiền mà nguyên đơn đã xuất ra đóng thay cho bị đơn là 36.000.000 đồng. Xét thấy bà Nguyễn Tuyết A cũng thừa nhận hiện nay còn nợ bà E và ông N số tiền là 36.000.000đồng. Đối với bị đơn ông Phạm Văn R, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng ông R vắng mặt không có lý do chính đáng và ông R cũng biết việc ông N và bà E khởi kiện yêu cầu trả số tiền hụi là 36.000.000 đồng nhưng ông R không có ý kiến về vấn đề này, nên mặt nhiên ông thừa nhận số tiền trên. Hơn nữa đây là nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân và bà A cũng xác định số tiền hốt hụi là sử dụng chi xài trong gia đình. Do đó cần buộc ông Phạm Văn R cùng có trách nhiệm với bà Nguyễn Tuyết A trả cho nguyên đơn Võ Thị Thắm E và ông Nguyễn Văn N tiền hụi là 36.000.000 đồng là phù hợp với Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 471 và Điều 468 Bộ luật dân sự. và Điều 17, Điều 18, Điều 24 Nghị Định 19/2019 ngày 19.02.2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường

[7] *Về án phí sơ thẩm:* Do nguyên đơn yêu cầu được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm, nguyên đơn có dự nộp án phí trước được hoàn lại toàn bộ. Bị đơn bà A và ông R phải nộp 5% trên tổng giá trị phải trả cho nguyên đơn là phù hợp với Điều 147 BLTTDS và Điều 12, Nghị Quết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, tạn ứng án phí, tạm ứng lệ phí và quản lý, sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Vì các lẻ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều: Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 186, Điều 227, BLTTDS, áp dụng Điều 471 và Điều 468 điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự; Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 17, Điều 18, Điều 24 Nghị Định 19/2019 ngày 19.02.2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường; Điều 12 Nghị Quết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, tạn ứng án phí, tạm ứng lệ phí và quản lý, sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Võ Thị Thắm E và ông Nguyễn Văn N .

Buộc bị đơn bà Nguyễn Tuyết A và Phạm Văn R có trách nhiệm trả cho nguyên đơn Võ Thị Thắm E và ông Nguyễn Văn N số tiền là 36.000.000 đồng (ba mươi sáu triệu đồng).

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà bị đơn chậm trả số tiền nói trên thì hàng tháng bị đơn phải chịu lãi chậm trả theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Án phí sơ thẩm dân sự giá ngạch bị đơn Nguyễn Tuyết A và Phạm Văn R phải nộp là 1.800.000 đồng. Nguyên đơn ông N và bà E đã dự nộp án phí trước là 900.000 đồng, được hoàn lại án phí đã dự nộp trước là 900.000 đồng theo biên lai thu số 0005096 ngày 29/06/2021.

Nguyên đơn và bị đơn A có quyền kháng án trong hạn luật định 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn R có quyền kháng cáo vắng mặt 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định điều 2 Luật Thi hành án dân sự , người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Đương sự;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Từ Thanh Nhung